

Họ và tên thí sinh:..... SBD:.....

Mã đề thi: 301

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

- A. Hồng Lĩnh. B. Đông Hà. C. Đồng Hới. D. Vinh.

Câu 42: Cây công nghiệp lâu năm được phân bố chủ yếu ở

- A. miền núi. B. duyên hải. C. đồng bằng. D. cao nguyên.

Câu 43: Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA VIỆT NAM VÀ LÀO, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: USD)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Việt Nam	2 102,7	2 376,2	2 713,2	2 785,3	3 674,4
Lào	2 161,4	2 456,6	2 621,4	2 621,8	2 693,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người của Việt Nam và Lào giai đoạn 2015 - 2021?

- A. Lào giảm, Việt Nam tăng liên tục. B. Việt Nam và Lào tăng liên tục.
C. Việt Nam tăng ít hơn Lào. D. Lào tăng nhanh hơn Việt Nam.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 45: Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất nước ta chủ yếu do

- A. trình độ thâm canh cao, có nhiều giống lúa mới, truyền thống canh tác.
B. trình độ lao động, lịch sử định cư, hệ thống thủy lợi phát triển đồng bộ.
C. trình độ thâm canh, điều kiện đất đai và khí hậu, nhiều giống gạo ngon.
D. sản lượng lớn, sản xuất hàng hóa hình thành sớm, truyền thống canh tác.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Khánh Hòa. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 47: Thế mạnh tự nhiên thuận lợi nhất trong việc phát triển ngành khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển dài có nhiều khả năng xây dựng cảng cá. B. bờ biển dài, có nhiều ngư trường, bãi tôm, bãi cá.
C. ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. D. nhiều sông suối, ao hồ, nguồn lợi hải sản phong phú.

Câu 48: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

- A. sinh vật, địa hình, khí hậu, làng nghề. B. khí hậu, nguồn nước, sinh vật, lễ hội.
C. địa hình, khí hậu, sinh vật, nguồn nước. D. di tích văn hóa, làng nghề, lễ hội, ẩm thực.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Biên Hòa. C. Vũng Tàu. D. Thủ Dầu Một.

Câu 50: Ngành chăn nuôi lợn ở nước ta tập trung ở những vùng

- A. ven biển có nghề cá phát triển. B. có điều kiện khí hậu luôn ổn định.
C. có dân đông, mật độ dân số cao. D. trọng điểm lương thực, đông dân.

Câu 51: Hậu quả lớn nhất của việc phân bố dân cư ở nước ta chưa hợp lí là

- A. gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường. B. khó khăn cho việc sử dụng nguồn lao động.
C. khó khăn vấn đề giải quyết việc làm. D. khó khăn cho việc khai thác tài nguyên.

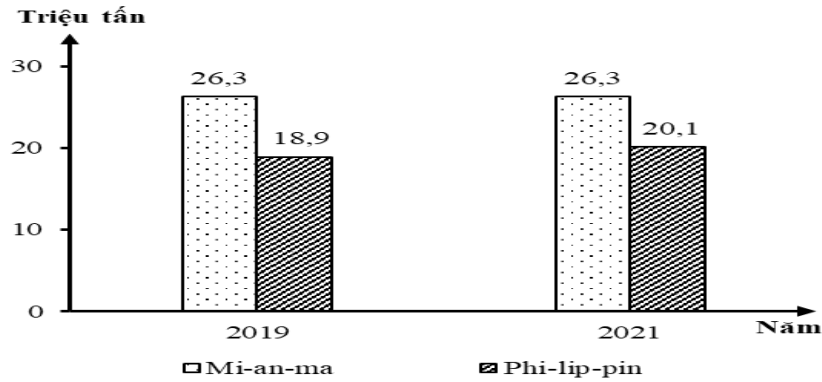
Câu 52: Thế mạnh chủ yếu để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. lao động có trình độ, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
B. tài nguyên dồi dào, lao động và thị trường tiêu thụ lớn.

C. cơ sở hạ tầng hiện đại, có nhiều đầu mối giao thông lớn.

D. cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, lao động có kinh nghiệm.

Câu 53: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN, NĂM 2019 VÀ 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi sản lượng lúa năm 2021 so với năm 2019 của Mi-an-ma và Phi-lip-pin?

A. Mi-an-ma giữ nguyên và Phi-lip-pin giảm.

B. Mi-an-ma giữ nguyên và Phi-lip-pin tăng.

C. Phi-lip-pin giữ nguyên và Mi-an-ma giảm.

D. Phi-lip-pin giữ nguyên và Mi-an-ma tăng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lạng Sơn.

B. Cao Bằng.

C. Điện Biên.

D. Hà Giang.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 nối cửa khẩu quốc tế Lao Bảo với địa điểm nào sau đây?

A. Hà Tĩnh.

B. Vinh.

C. Hồng Lĩnh.

D. Đông Hà.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, hãy cho biết cảng biển Cửa Lò và Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa, Hà Tĩnh.

B. Nghệ An, Quảng Bình.

C. Hà Tĩnh, Quảng Bình.

D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây có đỉnh cao nhất?

A. Ngọc Linh.

B. Chư Pha.

C. Kon Ka Kinh.

D. Ngọc Krinh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Sơn La?

A. Tuyên Quang.

B. Yên Bái.

C. Hà Giang.

D. Bắc Cạn.

Câu 59: Mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

A. đến muộn và kết thúc sớm.

B. đến muộn và kết thúc muộn.

C. đến sớm và kết thúc muộn.

D. đến sớm và kết thúc sớm.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Cà Mau có ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Luyện kim màu.

B. Sản xuất ô tô.

C. Hóa chất, phân bón.

D. Điện tử.

Câu 61: Tính đa dạng sinh học cao của sinh vật tự nhiên nước ta thể hiện ở

A. số lượng thành phần loài.

B. sự phát triển của sinh vật.

C. sự phân bố sinh vật.

D. diện tích rừng rất lớn.

Câu 62: Mỏ apatit lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh

A. Lạng Sơn.

B. Quảng Ninh.

C. Lào Cai.

D. Cao Bằng.

Câu 63: Địa hình vùng núi Tây Bắc có đặc điểm là

A. có 4 cánh cung núi lớn.

B. có địa hình cao nhất nước ta

C. gồm các khối núi và cao nguyên.

D. núi có độ cao trung bình.

Câu 64: Giải pháp chủ yếu để tăng cường giao thương với các nước láng giềng cho vùng Bắc Trung Bộ là

A. tiếp tục mở ra các cửa khẩu, phát triển ngoại thương và thu hút khách du lịch.

B. nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam, mở rộng sân bay, bến cảng.

C. đầu tư và phát triển công nghiệp năng lượng, sử dụng điện lưới quốc gia.

D. phát triển giao thông Đông - Tây, hệ thống cửa khẩu, sân bay, cảng biển.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Tranh thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Mã.

B. Sông Thu Bồn.

C. Sông Thái Bình.

D. Sông Cả.

Câu 66: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

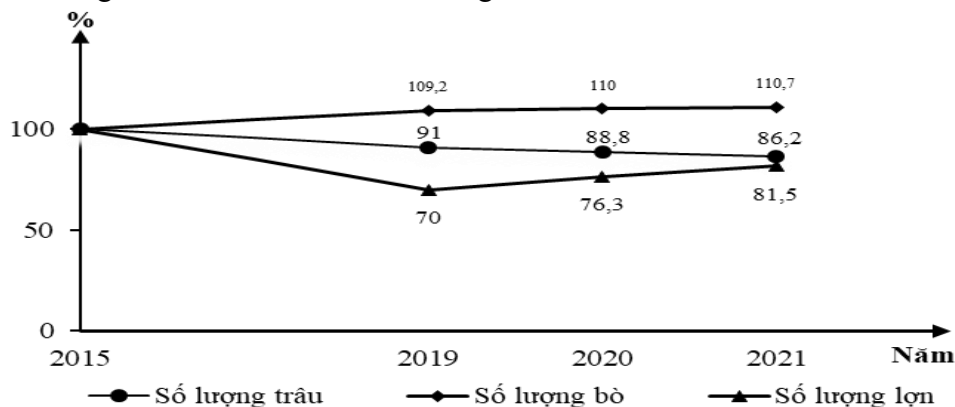
A. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

B. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

C. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc

D. dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 67: Cho biểu đồ về số lượng trâu, bò và lợn của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng số lượng trâu, bò và lợn.

B. Quy mô số lượng trâu, bò và lợn.

C. Thay đổi cơ cấu số lượng trâu, bò và lợn.

D. Cơ cấu số lượng trâu, bò và lợn.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

A. Tháng XII.

B. Tháng XI.

C. Tháng IX.

D. Tháng X.

Câu 69: Cho bảng số liệu sau:

TỔNG MỨC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2010	2015	2018	2021
Xuất khẩu	72236,7	162016,7	243696,8	336166,8
Nhập khẩu	84838,6	165775,9	237241,6	332842,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Kết hợp.

C. Tròn.

D. Miền.

Câu 70: Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

A. đảm bảo xuất khẩu, giải quyết việc làm, tăng thu nhập.

B. nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển kinh tế hàng hóa.

C. tăng sản lượng cây trồng, phát triển chuyên môn hóa.

D. tăng cường chất lượng, góp phần bảo quản sản phẩm.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành.

B. tăng cường thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ khai thác.

C. nâng cấp cơ sở hạ tầng, bảo vệ và phát triển vốn rừng.

D. đẩy mạnh việc thăm dò khoáng sản, đào tạo nhân lực.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, hãy cho biết địa danh nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

A. Tràm Chim.

B. U Minh Thượng.

C. Lò Gò – Xa Mát.

D. Mũi Cà Mau.

Câu 73: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp Hạ Long có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

A. Đường sữa, bánh kẹo.

B. Thủy hải sản.

C. Rượu, bia, nước giải khát.

D. Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển giao thông đường biển ở Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác hiệu quả tài nguyên, tạo nhiều việc làm. B. tăng năng lực vận chuyển, phân bố lại lao động.
C. tăng cường giao lưu văn hóa, kinh tế với các nước. D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ xuất khẩu.

Câu 75: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. có số dân ít, mật độ dân cư thấp. B. có khả năng tạo ra nhiều việc làm.
C. phát triển mỗi ngành công nghiệp. D. đều là các trung tâm du lịch lớn.

Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng kinh tế Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa. B. Khánh Hòa. C. Hải Phòng. D. Nam Định.

Dựa vào các thông tin được cung cấp dưới đây và kiến thức đã học để trả lời các câu từ 77 đến 80.

Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm với cơ cấu ngành đa dạng nhờ nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn ở trong và ngoài nước. Gồm 3 phân ngành chính: chế biến sản phẩm chăn nuôi như sữa, thịt hay các sản phẩm được làm từ sữa và thịt; chế biến sản phẩm trồng trọt như chè, cà phê, đường mía, bia, rượu, nước ngọt...và chế biến thủy, hải sản như tôm, cá, nước mắm...

Điểm yếu của ngành chế biến thực phẩm nước ta là: Quy mô sản xuất nhỏ; trình độ quản lý chưa cao; hệ thống cung cấp nguyên liệu trong nước thủ công và thô sơ, nhiều khâu phân tán dẫn tới khó truy xuất nguồn gốc xuất xứ và kiểm soát chất lượng; chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm còn chưa cao.

Để xuất khẩu được vào các thị trường khó tính như EU, bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng xu hướng thị hiếu tiêu dùng, các doanh nghiệp Việt Nam cần phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng. Theo đó, sơ chế bảo quản, đóng gói sản phẩm và chế biến sâu để gia tăng giá trị là hai mảng cần gia tăng đầu tư trong công nghiệp chế biến thực phẩm ở Việt Nam. Nhà nước cũng cần tiếp tục ban hành những chính sách khuyến khích phát triển phù hợp như hỗ trợ cho doanh nghiệp quảng bá, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin về thị trường, luật pháp kinh doanh quốc tế.. Từ đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm phát triển bền vững tại thị trường nội địa và từng bước chiếm lĩnh thị trường nước ngoài.

(Nguồn: SGK Địa lí 12 trang 122, <https://congthuong.vn/> và “EVFTA và ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam”)

Câu 77: Ngành nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Giấy, in, văn phòng phẩm. B. Dệt, may; Da giày.
C. Sản xuất thủy, hải sản. D. Giấy, gỗ, xenlulô.

Câu 78: Biện pháp quan trọng nhất để nâng cao giá trị và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các mặt hàng chế biến lương thực, thực phẩm nước ta là

- A. hạ giá thành của các sản phẩm thông qua chế biến. B. đầu tư công nghệ sơ chế, bảo quản sản phẩm.
C. đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. D. ban hành chính sách khuyến khích phát triển.

Câu 79: Hạn chế của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta là

- A. chất lượng sản phẩm chưa cao. B. có quy mô sản xuất khá lớn.
C. cơ cấu sản phẩm chưa đa dạng. D. nguyên liệu còn thiếu nhiều.

Câu 80: Ưu thế lớn nhất của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là

- A. nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn. B. nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ lớn.
C. chính sách ưu đãi của Nhà nước và vốn đầu tư nhiều. D. có nguyên liệu phong phú và lao động trình độ cao.

--- Hết ---

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB GD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.